

CÁC BỘ**LIÊN BỘ****QUỐC PHÒNG - CÔNG AN - LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ liên tịch số 270/2003/
TTLT-BQP-BCA-BLĐTBXH**
ngày 07/11/2003 hướng dẫn
thực hiện một số điểm Nghị
định số 89/2003/NĐ-CP ngày
05/8/2003 của Chính phủ về việc
sửa đổi, bổ sung một số điều
của Điều lệ Bảo hiểm xã hội
đối với sĩ quan, quân nhân
chuyên nghiệp, hạ sĩ quan,
binh sĩ Quân đội nhân dân và
Công an nhân dân ban hành
kèm theo Nghị định số 45/CP
ngày 15/7/1995 của Chính phủ.

*Thi hành Nghị định số 89/2003/NĐ-CP
ngày 05/8/2003 của Chính phủ về việc
sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ
Bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân
nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ
Quân đội nhân dân và Công an nhân
dân ban hành kèm theo Nghị định số
45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ
(gọi tắt là Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối*

*với quân nhân, công an nhân dân), sau
khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài
chính (tại Công văn số 11265/TC-HCSN
ngày 29/10/2003), liên Bộ Quốc phòng -
Công an - Lao động - Thương binh và Xã
hội hướng dẫn thực hiện một số điểm
như sau:*

**I. CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ
HỘI ĐƯỢC HƯỞNG**

**1. Chế độ trợ cấp ốm đau theo quy
định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định
số 89/2003/NĐ-CP như sau:**

Quân nhân, công an nhân dân có con
(kể cả con nuôi theo quy định tại Luật
Hôn nhân và gia đình) dưới 7 tuổi bị ốm
đau, có xác nhận của tổ chức y tế do Bộ
Y tế quy định, phải nghỉ việc để chăm
sóc con ốm đau, thì được hưởng trợ cấp
bảo hiểm xã hội. Những trường hợp con
bị ốm đau mà cả bố và mẹ đều tham gia
bảo hiểm xã hội thì chỉ một người được
hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội trong thời
gian nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau.
Thời gian tối đa được hưởng trợ cấp để
chăm sóc con ốm đau như sau:

- 20 ngày trong một năm, đối với con
dưới 3 tuổi;
- 15 ngày trong một năm, đối với con từ
3 tuổi đến dưới 7 tuổi.

2. Chế độ trợ cấp thai sản quy

định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

Nữ quân nhân, nữ công an nhân dân khi có thai, sinh con (không phân biệt số lần sinh con) thì thời gian nghỉ việc theo quy định tại các Điều 9, 10 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân được hưởng trợ cấp thai sản.

3. Cách tính tỷ lệ % lương hưu hàng tháng quy định tại điểm 1 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

a) Nam quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm thì được tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội; sau đó, từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 2%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 1: Đồng chí Đặng Văn Trung, thiếu tá, có 27 năm tuổi quân và được nghỉ hưu từ tháng 9/2003, cách tính tỷ lệ % lương hưu như sau:

+ Đủ 15 năm: 45%.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 27 (12 năm): $2\% \times 12$ (năm) = 24%.

+ Tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí Trung là: $45\% + 24\% = 69\%$.

b) Nữ quân nhân, công an nhân dân có

thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm thì được tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội; sau đó, từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội

Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Thị Hoa, đại úy quân nhân chuyên nghiệp, có 25 năm tuổi quân và được nghỉ hưu từ tháng 9 năm 2003, cách tính tỷ lệ % lương hưu như sau:

+ Đủ 15 năm: 45%.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 25 (10 năm): $3\% \times 10$ (năm) = 30%.

+ Tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí Hoa là: $45\% + 30\% = 75\%$.

4. Cách tính mức lương hưu thấp hơn theo quy định tại điểm 2 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

a) Quân nhân, công an nhân dân hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân thì cách tính lương hưu như quy định tại điểm 3 nêu trên, nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi so với quy định tại các khoản 1, 2, 3

Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân thì giảm đi 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 3: Đồng chí Trần Văn An, 51 tuổi, có 26 năm đóng bảo hiểm xã hội, không đủ điều kiện nghỉ hưu theo khoản 4 Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân, bị suy giảm khả năng lao động 61%, nghỉ hưu tháng 7/2003, cách tính tỷ lệ % lương hưu như sau:

+ 26 năm đóng bảo hiểm xã hội tính bằng 67%.

+ Tỷ lệ % tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 55 theo quy định trên: $(55 \text{ tuổi} - 51 \text{ tuổi}) \times 1\% = 4\%$.

+ Tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí An là: $67\% - 4\% = 63\%$.

b) Quân nhân, công an nhân dân nam đủ 50 tuổi, trở lên đến dưới 55 tuổi, nữ đủ 45 tuổi trở lên đến dưới 50 tuổi và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 30 năm trở lên thì được hưởng lương hưu như cách tính quy định tại điểm 3 nêu trên, nhưng mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi so với quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân không phải giảm 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 4: Đồng chí Trần Văn Duy, thiếu tá công an, có 50 năm 5 tháng tuổi đời và 30 năm tham gia bảo hiểm xã hội, nghỉ hưu tháng 7/2003; cách tính tỷ lệ % lương hưu như sau:

+ Đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội tính bằng 45 %.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 30 (15 năm): $2\% \times 15 (\text{năm}) = 30\%$.

$45\% + 30\% = 75\%$.

+ Theo quy định tại tiết b điểm 4 trên, đồng chí Duy không bị trừ tỷ lệ % so với tuổi 55 quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân vì đã có đủ 30 năm đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí Duy là 75%.

c) Quân nhân, công an nhân dân nghỉ hưu hưởng mức lương hưu thấp hơn quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân, nếu có thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc thời gian công tác trước khi Điều lệ Bảo hiểm xã hội có hiệu lực thì hành được coi như đã đóng bảo hiểm xã hội trước 16 tuổi, thì số năm công tác trước 16 tuổi được tính mỗi năm bằng 2% đối với nam, 3% đối với nữ mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để khấu trừ vào tổng số tỷ lệ % mức lương hưu phải giảm do nghỉ hưu trước tuổi, nhưng số khấu trừ nhiều

nhất cũng chỉ bằng tỷ lệ % mức lương hưu phải giảm do nghỉ hưu trước tuổi.

5. Cách tính trợ cấp một lần khi nghỉ hưu quy định tại điểm 3 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

Ngoài lương hưu hàng tháng, nam quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 30 năm, nữ quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 25 năm, khi nghỉ hưu được trợ cấp một lần theo cách tính như sau: từ năm thứ 31 trở lên đối với nam quân nhân, công an nhân dân, từ năm thứ 26 trở lên đối với nữ quân nhân, công an nhân dân, mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được nhận một nửa (1/2) tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, nhưng tối đa không quá 5 tháng.

Ví dụ 5: Đồng chí Đỗ Thị Liên, trung tá, 36 năm đóng bảo hiểm xã hội, được nghỉ hưu tháng 6/2003; trợ cấp một lần khi nghỉ hưu tính như sau:

Từ năm thứ 26 đến năm thứ 36 (11 năm): $0,5 \text{ tháng lương} \times 11 \text{ (năm)} = 5,5 \text{ tháng lương}$, nhưng tối đa chỉ bằng 5 tháng; do đó, đồng chí Liên chỉ được hưởng trợ cấp một lần bằng 5 tháng lương bình quân làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

6. Cách tính mức bình quân tiền lương tháng làm cơ sở tính lương

hưu quy định tại điểm 2 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

Quân nhân, công an nhân dân đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên theo các mức tiền lương thuộc nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (theo danh mục nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành) mà chuyển sang làm công việc khác đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương thấp hơn, có mức lương bình quân 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu thấp hơn mức lương bình quân 5 năm liên tục làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, thì khi nghỉ hưu được lấy các mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội cao nhất của 5 năm liên kế làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để làm cơ sở tính hưởng lương hưu.

Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Thị Đức, có 25 năm 3 tháng tham gia bảo hiểm xã hội và phục vụ trong quân đội, trong đó có 12 tuổi quân (thâm niên 12%) và có 15 năm 6 tháng làm nghề nặng nhọc, độc hại (sửa chữa vũ khí), nghỉ hưu từ tháng 8 năm 2003, khi nghỉ hưu là đại úy quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên văn thư. Đồng chí Đức có mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội cao nhất của 5 năm liên kế làm nghề nặng nhọc, độc hại là 1.050.000 đồng và có mức bình quân đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối

trước khi nghỉ hưu là 920.000 đồng. Do đó, đồng chí Đức được lấy mức lương 1.050.000 đồng để làm cơ sở tính lương hưu.

7. Cách tính mức bình quân tiền lương tháng làm cơ sở tính lương hưu quy định tại điểm 3 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

Công an nhân dân có đủ 20 thâm niên trở lên, theo yêu cầu của tổ chức, chuyển sang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ngoài lực lượng công an, nếu khi nghỉ hưu có mức lương thấp hơn mức lương khi đang tại ngũ thì được lấy mức lương đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối cùng trước khi chuyển ra ngoài lực lượng công an để làm cơ sở tính lương hưu.

Ví dụ 7: Đồng chí Phạm Văn Đại, thiếu tá công an, có 22 thâm niên, chuyển ngành ra Thanh tra Nhà nước tỉnh Hà Tây từ năm 1993, có mức lương bình quân 5 năm cuối trước khi chuyển ngành là 1.700.000 đồng/tháng (tính theo mức tiền lương tối thiểu tại thời điểm hưởng chế độ bảo hiểm xã hội), nghỉ hưu tháng 11/2003, mức lương bình quân 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu là 1.550.000 đồng/tháng. Theo quy định trên, lấy mức lương 1.700.000 đồng/tháng để làm cơ sở tính lương hưu cho đồng chí Đại.

8. Cách tính mức bình quân tiền lương tháng làm cơ sở tính lương

hưu quy định tại điểm 4 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

Công an nhân dân có đủ 15 đến dưới 20 thâm niên được chuyển sang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ngoài lực lượng công an hoặc có đủ 20 thâm niên trở lên mà tự nguyện xin chuyển ra làm việc ngoài lực lượng công an, hưởng lương thuộc khu vực Nhà nước, nếu có mức lương bình quân 5 năm cuối khi nghỉ hưu thấp hơn mức lương bình quân 5 năm cuối khi đang tại ngũ, thì được lấy mức lương bình quân của 10 năm đóng bảo hiểm xã hội bao gồm 5 năm cuối trước khi chuyển ra ngoài lực lượng Công an cộng với 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu để làm cơ sở tính lương hưu.

Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Văn Phong nguyên đại úy công an, có 21 thâm niên và mức lương bình quân 5 năm cuối trước khi chuyển ra ngoài lực lượng công an là 1.456.000 đồng/tháng (tính quy đổi theo lương tối thiểu tại thời điểm hưởng Bảo hiểm xã hội); tháng 6/1996 tự nguyện chuyển ra làm việc tại Sở Công nghiệp Hà Nội; đến tháng 10/2003 đủ điều kiện nghỉ hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995, có mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội trong 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu là 1.000.000 đồng/tháng. Mức lương để làm cơ sở tính

0563947
 www.ThuVienPhapLuat.com
 Tel: +84-8-3845 6684
 LawSoft

lương hưu cho đồng chí Phong theo quy định trên là:

$(1.456.000 \text{ đồng} + 1.000.000 \text{ đồng}): 2 = 1.228.000 \text{ đồng/tháng.}$

9. Đối với quân nhân, công an nhân dân hưởng lương hưu theo quy định tại điểm 6 khoản 6 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

Người được tính lương hưu theo quy định tại các điểm 6, 7, 8 nói trên thì không được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 812/TTg ngày 12/12/1995 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể là: khi nghỉ hưu không được hưởng khoản trợ cấp thêm hàng tháng tính theo tuổi quân (đối với quân nhân) hoặc theo thâm niên (đối với công an) và theo mức tiền lương tối thiểu tại thời điểm nghỉ hưu.

10. Đối với quân nhân, công an nhân dân đã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên khi phục viên, xuất ngũ theo quy định tại điểm 1 khoản 7 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

Quân nhân khi phục viên (kể cả những trường hợp đã phục viên không quá một năm), công an nhân dân khi xuất ngũ, đã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên nhưng chưa đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí theo quy định tại Điều 23 hoặc tại các khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công

an nhân dân thì được lựa chọn 1 trong 3 phương thức quy định tại các tiết a, b, c sau:

a) Chế độ phục viên (đối với quân nhân) hoặc xuất ngũ (đối với công an nhân dân): Quân nhân, công an nhân dân hưởng lương khi phục viên, xuất ngũ được hưởng trợ cấp phục viên từ Quỹ Bảo hiểm xã hội theo cách tính:

Trợ cấp phục viên = Số năm công tác được tính tuổi quân x 1,5 tháng tiền lương.

Trường hợp đã có thời gian công tác liên tục bao gồm cả thời gian là công nhân, viên chức thì thời gian đó được tính hưởng trợ cấp như công nhân, viên chức thôi việc: cứ mỗi năm công tác được hưởng một tháng tiền lương.

b) Chế độ nghỉ chờ đến khi đủ tuổi hưởng chế độ hưu trí hàng tháng: được cơ quan Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Công an lập hồ sơ hưu chờ, phải có đơn tự nguyện của cá nhân và có xác nhận của cấp có thẩm quyền:

b.1) Trong thời gian nghỉ chờ đủ tuổi để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng không được hưởng lương và chế độ bảo hiểm xã hội, được quản lý sổ Bảo hiểm xã hội của mình.

b.2) Quân nhân, công an nhân dân có 20 năm làm việc trong điều kiện bình thường thì nam chờ đến khi đủ 55 tuổi, nữ chờ đến khi đủ 50 tuổi.

Quân nhân, công an nhân dân có 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; hoặc đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên; hoặc đủ 10 năm ở các chiến trường B, C, K hoặc làm nhiệm vụ quốc tế thì nam chờ đến khi đủ 50 tuổi, nữ chờ đến khi đủ 45 tuổi.

b.3) Trong thời gian nghỉ chờ, nếu tiếp tục làm việc thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội; thời gian đóng bảo hiểm xã hội sau được cộng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó để tính hưởng bảo hiểm xã hội sau này và được hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 và Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ.

b.4) Trong thời gian nghỉ chờ, nếu bị ốm đau, tai nạn mà sức khỏe suy giảm thì được làm đơn gửi tới Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Bảo hiểm xã hội tỉnh) nơi cư trú hợp pháp đề nghị cho đi giám định sức khỏe; nếu bị suy giảm sức lao động từ 61% trở lên và đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân thì được Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh ra quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân;

thời gian hưởng lương hưu bắt đầu từ tháng tiếp sau tháng có kết quả giám định y khoa.

b.5) Trong thời gian nghỉ chờ, nếu không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội mà bị chết thì được hưởng chế độ tử tuất quy định tại Mục V Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân, tính theo mức tiền lương tối thiểu ở thời điểm chết; việc lập hồ sơ hưởng chế độ tử tuất và chi trả chi phí mai táng, trợ cấp tuất một lần hoặc hàng tháng do Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi quân nhân, công an nhân dân về cư trú hợp pháp giải quyết.

c) Chế độ bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội: quân nhân, công an nhân dân có đơn tự nguyện đề nghị được bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và không nhận trợ cấp một lần từ Quỹ Bảo hiểm xã hội, đơn có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị cấp có thẩm quyền; khi đó cơ quan Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Công an có trách nhiệm xác nhận trên sổ Bảo hiểm xã hội thời gian đóng, mức đóng bảo hiểm xã hội:

c.1) Trong thời gian bảo lưu, chưa tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội thì không được hưởng lương và chế độ bảo hiểm xã hội, được quản lý sổ Bảo hiểm xã hội của mình.

c.2) Trong thời gian bảo lưu, nếu tiếp tục làm việc thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì tiếp tục

đóng bảo hiểm xã hội; thời gian đóng bảo hiểm xã hội sau được cộng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó để tính hưởng bảo hiểm xã hội sau này và được hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định số 12/CP và Nghị định số 01/2003/NĐ-CP.

c.3) Nếu chưa tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội mà bị ốm đau, tai nạn, sức khỏe suy giảm thì được làm đơn gửi tới Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi cư trú hợp pháp đề nghị cho đi giám định sức khỏe; nếu bị suy giảm sức lao động từ 61% trở lên và đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân thì được Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh ra quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân; thời gian hưởng lương hưu bắt đầu từ tháng tiếp sau tháng có kết quả giám định y khoa.

c.4) Nếu không tham gia bảo hiểm xã hội thì khi đủ tuổi đời, cá nhân làm đơn kèm theo sổ Bảo hiểm xã hội gửi tới Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi cư trú hợp pháp; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm ra quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân.

c.5) Nếu không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội mà bị chết thì được hưởng

chế độ tử tuất quy định tại Mục V Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân, tính theo mức tiền lương tối thiểu ở thời điểm chết; việc lập hồ sơ hưởng chế độ tử tuất và chi trả chi phí mai táng, trợ cấp tuất một lần hoặc hàng tháng do Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi quân nhân, công an nhân dân về cư trú hợp pháp giải quyết.

11. Đối với quân nhân phục viên, công an nhân dân xuất ngũ chưa đủ tuổi đời và chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ hưu trí quy định tại điểm 2 khoản 7 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

Nếu quân nhân, công an nhân dân có nguyện vọng chưa nhận trợ cấp từ Quỹ Bảo hiểm xã hội khi phục viên, xuất ngũ, có đơn tự nguyện của cá nhân có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước khi phục viên, xuất ngũ. Cơ quan Bảo hiểm xã hội Quân đội, Công an có trách nhiệm xác nhận trên sổ Bảo hiểm xã hội về thời gian đóng, mức đóng bảo hiểm xã hội, để khi có điều kiện thì tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội:

a) Sau khi phục viên, xuất ngũ, nếu tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội thì thời gian đóng bảo hiểm xã hội sau được cộng với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước đó để tính hưởng bảo hiểm xã hội sau này và được hưởng bảo hiểm xã hội

theo quy định tại Nghị định số 12/CP và Nghị định số 01/2003/NĐ-CP.

b) Nếu phục viên, xuất ngũ sau 6 tháng mà chưa tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội hoặc bị ốm đau có nguyện vọng được hưởng trợ cấp từ Quỹ Bảo hiểm xã hội thì Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm ra quyết định chi trả trợ cấp phục viên, xuất ngũ theo quy định tại Quyết định số 595/TTg ngày 15/12/1993 của Thủ tướng Chính phủ, tính theo mức lương tối thiểu ở thời điểm nhận trợ cấp.

c) Nếu chưa tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội mà bị chết thì thân nhân được nhận chế độ tử tuất theo quy định tại Mục V Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân, tính theo mức lương tối thiểu ở thời điểm chết, do Bảo hiểm xã hội tỉnh nơi quân nhân, công an nhân dân cư trú hợp pháp giải quyết.

12. Cách tính trợ cấp tuất một lần quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

Mức tiền tuất một lần đối với gia đình của quân nhân, công an nhân dân tại ngũ (kể cả trường hợp nói tại Điều 27 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân) chết, tính theo thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội, cứ mỗi năm tính bằng nửa (1/2) tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trong 5 năm cuối trước khi chết, quy định tại Điều 26

Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân nhưng tối đa không quá 12 tháng. Đối với quân nhân, công an nhân dân hưởng sinh hoạt phí thì tính theo mức ấn định bằng hai lần lương tối thiểu/tháng. Mức trợ cấp tuất một lần của quân nhân, công an nhân dân thấp nhất cũng bằng 6 tháng tiền lương tối thiểu.

Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Văn Anh, nhập ngũ tháng 2/1998, ốm chết ngày 16/02/2003, tổng số thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là 5 năm 01 tháng, có mức lương bình quân 5 năm cuối là 622.533 đồng/tháng.

Trợ cấp tuất một lần bằng: $622.533 \text{ đồng} \times 0,5 \text{ (tháng lương)} \times 5 \text{ (năm)}$ = 1.556.332 đồng (một tháng lễ không được tính), thấp hơn so với 6 tháng tiền lương tối thiểu là $290.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ (tháng)}$ = 1.740.000 đồng. Theo quy định trên, gia đình đồng chí Anh được nhận trợ cấp tuất một lần bằng 1.740.000 đồng.

13. Cách tính thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lễ để giải quyết chế độ quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

a) Khi thời gian đóng bảo hiểm xã hội có tháng lễ thì cách tính tỷ lệ % hưởng lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp tuất một lần được quy định như sau: dưới 3 tháng đóng bảo hiểm xã hội thì không tính, có từ đủ 3 tháng đến 6

tháng thì được tính bằng nửa (1/2) mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội; từ 7 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng cả mức hưởng của một năm đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 10: Đồng chí Đỗ Thị Xuân, đại úy, có 23 năm 4 tháng tuổi quân và được nghỉ hưu tháng 5/2003. Cách tính tỷ lệ % lương hưu hàng tháng của đồng chí Xuân như sau:

- Đủ 15 năm được hưởng 45%.
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 23 (8 năm), mỗi năm được thêm 3%:
 $3\% \times 8 \text{ (năm)} = 24\%$.
- Có 4 tháng lẻ được tính thêm:
 $3\% \times 0,5 \text{ (năm)} = 1,5\%$.
- Tổng cộng, tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí Xuân là:
 $45\% + 24\% + 1,5\% = 70,5\%$.

Ví dụ 11: Đồng chí Trần Văn Nhân, thượng tá công an nhân dân) có 30 năm 6 tháng thâm niên, hưởng chế độ hưu trí từ tháng 4/2003. Đồng chí Nhân được hưởng tỷ lệ % lương hưu hàng tháng là 75% và được hưởng trợ cấp một lần do có 6 tháng lẻ (của năm thứ 31) như sau:

$0,5 \text{ tháng lương} \times 0,5 \text{ (năm)} = 0,25 \text{ tháng lương bình quân 5 năm cuối.}$

Ví dụ 12: Đồng chí Phan Văn Trường, thượng úy, có 13 năm 8 tháng tham gia

bảo hiểm xã hội, ốm chết ngày 20/01/2003, mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối của đồng chí Trường là 1.100.000 đồng. Cách tính trợ cấp tuất một lần đối với gia đình đồng chí Trường như sau:

- 13 năm tham gia bảo hiểm xã hội:
 $0,5 \text{ tháng lương} \times 13 \text{ (năm)} = 6,5 \text{ tháng lương.}$
- 8 tháng lẻ được tính bằng mức hưởng của 1 năm: thêm 0,5 tháng lương.
- Tổng cộng, gia đình đồng chí Trường được nhận 7 tháng lương bình quân 5 năm cuối ($6,5 \text{ tháng lương} + 0,5 \text{ tháng lương}$):
 $1.100.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ (tháng)} = 7.700.000 \text{ đồng.}$

b) Khi xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ hưu trí (theo các Điều 23, 24 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân) thì một năm phải tính đủ 12 tháng. Nếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu tối đa không quá 6 tháng và bản thân quân nhân, công an nhân dân có nguyện vọng được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng thì quân nhân, công an nhân dân được đóng bảo hiểm xã hội tiếp một lần với Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Bảo hiểm xã hội Công an, cho những tháng còn thiếu, với mức đóng hàng tháng bằng 15% của mức lương

tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc và được hưởng lương hưu từ tháng tiếp sau tháng tính đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội, do Giám đốc Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Bảo hiểm xã hội Công an ra quyết định. Cụ thể thu bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ hưu trí cho các đối tượng sau:

b.1) Quân nhân, công an nhân dân đủ 55 tuổi đối với nam và đủ 50 tuổi đối với nữ nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

b.2) Quân nhân, công an nhân dân đủ 50 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đối với nữ và đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; hoặc đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên; hoặc đủ 10 năm làm việc ở chiến trường B, C, K nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

b.3) Công an nhân dân đủ 50 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đối với nữ nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 30 thâm niên đối với nam, đủ 25 thâm niên đối với nữ.

b.4) Quân nhân đã có đủ 5 năm tuổi quân trở lên (không phụ thuộc tuổi đời) nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ thời gian phục vụ trong quân đội 25 năm đối với nam và 20 năm đối với nữ.

b.5) Quân nhân, công an nhân dân đủ 50 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đối với nữ, bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

b.6) Quân nhân, công an nhân dân đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, không phụ thuộc tuổi đời nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

b.7) Quân nhân, công an nhân dân đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ nhưng còn thiếu tối đa không quá 6 tháng thì đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 13: Đồng chí Hoàng Thị Hải, thượng úy, sinh tháng 02/1954, tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/1983. Do sức khỏe không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ (suy giảm khả năng lao động 69%) nên đơn vị cho xuất ngũ tháng 3 năm 2003 (hưởng lương hết tháng 02 năm 2003). Đối chiếu với tiết b.5 trên, đồng chí Hải còn thiếu 5 tháng đóng bảo hiểm xã hội nữa thì đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp. Nếu đồng chí Hải tự nguyện (có đơn đề nghị và xác nhận của đơn vị) đóng bảo hiểm xã hội tiếp 15% của 5 tháng còn thiếu tại Bảo hiểm xã hội Quân đội thì Giám đốc Bảo hiểm

xã hội Quân đội ra quyết định hưởng lương hưu từ tháng 8 năm 2003 (tháng tiếp sau tháng tính đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm).

c) Khi xác định thời gian đóng bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ tử tuất hàng tháng thì một năm phải tính đủ 12 tháng. Nếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu tối đa không quá 6 tháng và thân nhân có nguyện vọng được hưởng chế độ tử tuất hàng tháng thì thân nhân đóng bảo hiểm xã hội tiếp một lần cho những tháng còn thiếu, với mức đóng hàng tháng bằng 15% của mức lương tháng cuối cùng trước khi quân nhân, công an nhân dân chết; trợ cấp tử tuất hàng tháng nhận từ tháng tiếp sau tháng tính đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội do Giám đốc Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Bảo hiểm xã hội Công an ra quyết định.

Ví dụ 14: Đồng chí Dương Văn Lộc, trung úy công an, tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6 năm 1988; bị ốm, chết tháng 02 năm 2003 (có 14 năm 9 tháng đóng bảo hiểm xã hội), có bố đẻ làm ruộng 63 tuổi, mẹ đẻ làm ruộng 53 tuổi, vợ là công chức làm việc tại Hà Nội và một con gái 10 tuổi. Nếu gia đình đồng chí Lộc có nguyện vọng (có đơn đề nghị và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường) thì thân nhân đồng chí Lộc đóng tiếp 15% của 3 tháng còn thiếu về Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và đơn vị đồng chí Lộc lập hồ sơ chuyển về Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân để

ra quyết định hưởng trợ cấp tuất hàng tháng. Bảo hiểm xã hội các địa phương nơi cha, mẹ và vợ, con đồng chí Lộc cư trú chi trả trợ cấp tuất hàng tháng từ tháng 6 năm 2003 (tháng tiếp sau tháng tính đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 15 năm).

14. Tiền lương làm căn cứ đóng và trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội quy định tại điểm 1 khoản 11 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

a) Tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của quân nhân, công an nhân dân bao gồm lương cấp hàm hoặc lương ngạch, bậc và các khoản phụ cấp thâm niên, chức vụ, khu vực, đất đỏ và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có); quân nhân, công an nhân dân đóng 5%, người sử dụng lao động đóng 15% về cơ quan Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Công an.

Ví dụ 15: Đồng chí Huỳnh Văn Dũng, trung tá, hệ số lương cấp hàm 5,30, tính đến tháng 3 năm 2003 có 28 năm 4 tháng tuổi quân (phụ cấp thâm niên 28%), hiện là Phó Tổng giám đốc Công ty Liên doanh X của doanh nghiệp quân đội với nước ngoài, xếp phụ cấp chức vụ tương đương hệ số 0,5; lương tháng hiện hưởng ở Liên doanh là 1.000 USD/tháng. Cơ quan Bảo hiểm xã hội Quân đội thu bảo hiểm xã hội đối với đồng chí Dũng hàng tháng 20% (5% đồng chí Dũng nộp và 15% Công ty Liên doanh nộp), giải quyết các chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội cho đồng chí Dũng và ghi sổ Bảo hiểm xã hội theo mức tiền lương như sau:

- Lương cấp hàm: $290.000 \text{ đồng} \times 5,30 = 1.537.000 \text{ đồng}$.

- Phụ cấp thâm niên: $1.537.000 \text{ đồng} \times 0,28 = 430.360 \text{ đồng}$.

- Phụ cấp chức vụ: $290.000 \text{ đồng} \times 0,5 = 145.000 \text{ đồng}$

Cộng: = 2.112.360 đồng/tháng

Mức nộp bảo hiểm xã hội là: $2.112.360 \text{ đồng} \times (5\% + 15\%) = 422.472 \text{ đồng/tháng}$.

b) Đối với những quân nhân, công an nhân dân làm việc trong các doanh nghiệp mà cả người sử dụng lao động và bản thân quân nhân, công an nhân dân đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước ngày ban hành Thông tư liên tịch này không theo quy định tại tiết a nói trên mà chưa hưởng bảo hiểm xã hội thì giải quyết như sau:

b.1) Toàn bộ thời gian đóng, mức đóng bảo hiểm xã hội không theo quy định tại tiết a nói trên tại Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, được Bảo hiểm xã hội tỉnh xác nhận trên sổ Bảo hiểm xã hội của mỗi người và có công văn kèm theo danh sách gửi Bảo hiểm xã hội Quân đội hoặc Bảo hiểm xã hội Công an; nếu quân nhân, công an nhân dân chưa được cấp sổ Bảo hiểm xã hội thì Bảo hiểm tỉnh có bản xác nhận thời gian đóng, mức đóng bảo hiểm xã hội theo lương doanh nghiệp (hoặc liên doanh) cho từng người chuyển tới Bảo hiểm xã

hội Quân đội hoặc Công an để làm cơ sở truy thu hoặc truy trả bảo hiểm xã hội và lập sổ Bảo hiểm xã hội.

b.2) Căn cứ vào mức đóng bảo hiểm xã hội theo mức tiền lương trong các doanh nghiệp, liên doanh, cơ quan Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra quyết định truy trả phần chênh lệch bảo hiểm xã hội 5% (phần do người lao động đóng) giữa mức tiền lương doanh nghiệp, liên doanh với mức tiền lương cấp hàm, ngạch bậc, phụ cấp thâm niên, khu vực, chức vụ đối với những trường hợp tiền lương doanh nghiệp, liên doanh cao hơn lương cấp hàm, ngạch bậc, phụ cấp thâm niên, khu vực, chức vụ.

b.3) Căn cứ vào mức đóng bảo hiểm xã hội theo mức tiền lương trong các doanh nghiệp, liên doanh, cơ quan Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra quyết định truy thu phần chênh lệch Bảo hiểm xã hội 5% đối với quân nhân, công an nhân dân (phần do người lao động đóng) giữa mức tiền lương cấp hàm, ngạch bậc, phụ cấp thâm niên, khu vực, chức vụ với mức tiền lương doanh nghiệp, liên doanh đối với những trường hợp tiền lương doanh nghiệp, liên doanh thấp hơn lương cấp hàm, ngạch bậc, phụ cấp thâm niên, khu vực, chức vụ.

b.4) Mức truy trả hoặc truy thu tính theo tiền lương tối thiểu và tỷ giá của Đồng Việt Nam với USD ở thời điểm truy

thu hoặc truy trả. Các giai đoạn tính tiền đóng bảo hiểm xã hội chỉ thay đổi khi có sự thay đổi của một trong hai yếu tố sau: lương cấp hàm của quân nhân, công an nhân dân; lương do doanh nghiệp, liên doanh trả. Phụ cấp thâm niên tính theo thời điểm cuối cùng có sự thay đổi của một trong hai yếu tố trên.

b.5) Không truy trả hoặc truy thu khoản bảo hiểm xã hội do người sử dụng lao động đóng (15%).

b.6) Đối với quân nhân, công an nhân dân việc thực hiện thu nộp bảo hiểm xã hội trước ngày ban hành Thông tư này và việc truy thu hoặc truy trả phần chênh lệch theo quy định tại Thông tư này (nếu có) phải được thể hiện đầy đủ trong sổ Bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 16: Đồng chí Đỗ Văn Quang, nhập ngũ tháng 7 năm 1979, tháng 8 năm 1997 được thăng quân hàm thiếu tá có hệ số lương 4,80, đồng thời được điều ra làm Phó Tổng giám đốc liên doanh Y của doanh nghiệp quân đội với nước ngoài với mức lương ấn định là 800 USD/tháng (chức vụ này được phiên tương đương với hệ số 0,4); tháng 10 năm 2000 được quân đội ra quyết định nâng lương thiếu tá với hệ số 5,05. Từ tháng 8 năm 1997 đến tháng 3 năm 2003, đồng chí Quang và liên doanh đều đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương 800 USD/tháng với Bảo hiểm xã hội Hà Nội và đã được Bảo hiểm

xã hội Hà Nội cấp sổ Bảo hiểm xã hội, xác nhận đầy đủ mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội, như trên đến hết tháng 3 năm 2003.

Bảo hiểm xã hội Quân đội căn cứ vào xác nhận của Bảo hiểm xã hội Hà Nội đối với đồng chí Quang để tính toán truy trả cho đồng chí Quang phần chênh lệch thu bảo hiểm xã hội 5% như sau:

- Từ tháng 8 năm 1997 đến tháng 3 năm 2003 bằng 68 tháng, đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương 800 USD/tháng (lấy tỷ giá VNĐ/USD tại thời điểm tháng 12 năm 2003 là thời điểm ra quyết định truy trả):

$15.500 \text{ đồng} \times 800 \text{ (USD)} \times 68 \text{ (tháng)} \times 5\% = 42.160.000 \text{ đồng.}$

- Từ tháng 8 năm 1997 đến hết tháng 3 năm 2003 tính đóng bảo hiểm xã hội theo lương cấp hàm, phụ cấp thâm niên, chức vụ như sau:

* Từ tháng 8 năm 1997 đến tháng 9 năm 2000 bằng 38 tháng, hệ số lương bằng 4,80, phụ cấp thâm niên bằng 21%, phụ cấp chức vụ bằng 0,40, lương tối thiểu bằng 290.000 đồng (tại thời điểm ra quyết định truy trả):

$(290.000 \text{ đồng} \times 4,80 \times 1,21 + 290.000 \text{ đồng} \times 0,4) \times 38 \text{ (tháng)} \times 5\% = 3.420.608 \text{ đồng.}$

* Từ tháng 10 năm 2000 đến tháng 3 năm 2003 bằng 30 tháng, hệ số lương

5,05, phụ cấp thâm niên bằng 23%, phụ cấp chức vụ bằng 0,4, lương tối thiểu bằng 290.000 đồng.

$(290.000 \text{ đồng} \times 5,05 \times 1,23 + 290.000 \text{ đồng} \times 0,4) \times 30 \text{ (tháng)} \times 5\% = 2.876.002 \text{ đồng.}$

Cộng: $3.420.608 \text{ đồng} + 2.876.002 \text{ đồng} = 6.296.610 \text{ đồng.}$

- Bảo hiểm xã hội Quân đội ra quyết định truy trả cho đồng chí Quang một khoản tiền chênh lệch là:

$42.160.000 \text{ đồng} - 6.296.610 \text{ đồng} = 35.863.390 \text{ đồng.}$

Ví dụ 17: Đồng chí Trần Văn Hùng, nhập ngũ tháng 9 năm 1977, tháng 9 năm 1994 là thiếu tá có hệ số lương 4,80, tháng 6 năm 1995 được điều ra làm Phó giám đốc liên doanh A của doanh nghiệp quân đội với nước ngoài (tương đương với chức vụ có hệ số 0,4) với mức ấn định là 600 USD/tháng, nhưng từ tháng 6 năm 1995 đến tháng 12 năm 2000 đóng bảo hiểm xã hội tại tỉnh Đồng Nai với mức ấn định theo hệ số là 3,80 theo lương tối thiểu, từ tháng 01 năm 2001 đóng Bảo hiểm xã hội theo lương cấp hàm và phụ cấp thâm niên, chức vụ, đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai cấp sổ Bảo hiểm xã hội, xác nhận rõ mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội như trên.

Bảo hiểm xã hội Quân đội căn cứ vào xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng

Nai đối với đồng chí Hùng để tính toán truy thu phân chênh lệch thu bảo hiểm xã hội 5% như sau:

- Từ tháng 6 năm 1995 đến tháng 12 năm 2000 (67 tháng), đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương ấn định với hệ số 3,80:

$290.000 \text{ đồng} \times 3,80 \times 67 \text{ (tháng)} \times 5\% = 3.691.700 \text{ đồng.}$

- Từ tháng 6 năm 1995 đến hết tháng 12 năm 2000 (67 tháng), tính đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương cấp hàm và phụ cấp chức vụ hệ số 0,40, phụ cấp thâm niên 23%:

* Thu bảo hiểm xã hội theo lương cấp hàm và phụ cấp thâm niên:

$290.000 \text{ đồng} \times 4,80 \times 1,23 \times 67 \text{ (tháng)} \times 5\% = 5.735.736 \text{ đồng.}$

* Thu bảo hiểm xã hội theo phụ cấp chức vụ:

$290.000 \text{ đồng} \times 0,4 \times 67 \text{ (tháng)} \times 5\% = 388.600 \text{ đồng.}$

Cộng: $5.735.736 \text{ đồng} + 388.600 \text{ đồng} = 6.124.336 \text{ đồng.}$

- Bảo hiểm xã hội Quân đội ra quyết định truy thu của đồng chí Hùng một khoản tiền chênh lệch là:

$6.124.336 \text{ đồng} - 3.691.700 \text{ đồng} = 2.423.636 \text{ đồng.}$

15. Tính hưởng bảo hiểm xã hội

đối với quân nhân, công an nhân dân trong thời gian nghỉ thai sản quy định tại điểm 2 khoản 11 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

Thời gian nữ quân nhân, nữ công an nhân dân nghỉ việc trước và sau khi sinh con và thời gian quân nhân, công an nhân dân nghỉ để nuôi con nuôi sơ sinh được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ này, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không phải đóng 15% tiền lương và quân nhân, công an nhân dân không phải đóng 5% tiền lương vào Quỹ Bảo hiểm xã hội mà do Quỹ Bảo hiểm xã hội bảo đảm. Thời gian đó bao gồm:

a) Thời gian nữ quân nhân, công an nhân dân hưởng lương nghỉ sinh con trong thời hạn 5 tháng hoặc 6 tháng và thời gian nghỉ thêm do sinh đôi trở lên theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 10 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân.

b) Thời gian quân nhân, công an nhân dân hưởng lương nghỉ việc nuôi con nuôi sơ sinh hợp pháp quy định tại Điều 11 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân.

Quy định trên không áp dụng đối với những trường hợp nghỉ thêm quá thời hạn đã quy định tại các khoản 1, 2 Điều 10 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân.

II. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các chế độ bảo hiểm trong Thông tư này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2003.

Quân nhân, công an nhân dân hưởng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2003 trở đi mà chưa được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 89/2003/NĐ-CP và Thông tư này thì Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm chi trả phần chênh lệch còn thiếu của các khoản trợ cấp một lần cho đối tượng; Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm điều chỉnh lương hưu cho đối tượng và báo cáo về Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Không giải quyết điều chỉnh lại các trường hợp đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 31 tháng 12 năm 2002 trở về trước.

3. Thông tư này bãi bỏ:

a) Các nội dung sau đây của Thông tư liên Bộ số 29/TT-LB ngày 02/11/1995 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Quốc phòng - Nội vụ hướng dẫn một số điều để thực hiện Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ:

- Điểm 1 Mục II Phần B.
- Điểm 3 Mục IV Phần B.